

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,295,269,200,230	1,758,324,324,568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35,171,446,502	329,424,956,877
1. Tiền	111		35,171,446,502	312,924,956,877
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		738,217,050,780	219,548,828
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	738,217,050,780	219,548,828
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		465,380,244,197	563,618,091,194
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	366,897,390,848	485,307,767,483
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	79,561,382,132	74,542,924,504
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	22,119,172,940	6,321,388,552
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(3,197,701,723)	(2,553,989,345)
IV. Hàng tồn kho	140		978,223,472,765	823,256,429,259
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,041,636,307,397	868,752,372,217
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(63,412,834,632)	(45,495,942,958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78,276,985,986	41,805,298,410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2,246,631,934	1,211,599,259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38,391,647,114	12,668,355,903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	476,392,323	608,007,853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	37,162,314,615	27,317,335,395

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		786,956,479,507	649,295,263,719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		662,979,812,575	565,799,074,719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	481,131,827,883	488,277,285,379
<i>Nguyên giá</i>	222		845,214,522,876	764,893,969,470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(364,082,694,993)	(276,616,684,091)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	79,005,372,705	62,944,217,450
<i>Nguyên giá</i>	228		81,438,269,366	64,917,368,601
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,432,896,661)	(1,973,151,151)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	102,842,611,987	14,577,571,890
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9,200,574,651	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	9,200,574,651	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		114,776,092,281	83,496,189,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	86,272,631,462	55,010,935,960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	5,920,112,180	5,908,168,386
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	22,583,348,639	22,577,084,654
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,082,225,679,737	2,407,619,588,287

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,679,380,768,567	1,100,805,436,737
I. Nợ ngắn hạn	310		1,676,688,962,819	1,039,047,348,989
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,254,928,310,721	633,578,126,990
2. Phải trả người bán	312	V.20	117,705,566,950	129,537,953,983
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	9,404,658,498	6,850,285,852
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	25,800,186,787	33,507,008,178
5. Phải trả người lao động	315	V.23	49,858,619,831	38,523,008,346
6. Chi phí phải trả	316	V.24	20,106,058,275	16,224,971,652
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	112,954,234,958	116,642,164,422
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	34,000,000,000	34,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	51,931,326,799	30,183,829,566
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,691,805,748	61,758,087,748
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	-	58,942,312,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	2,691,805,748	2,815,775,748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,327,377,835,138	1,243,040,928,148
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,327,377,835,138	1,243,040,928,148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	475,112,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	3,991,224,376	3,991,224,376
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	694,679,096,117	613,942,189,127
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		75,467,076,032	63,773,223,402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,082,225,679,737	2,407,619,588,287

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2,114,881.68	15,136,082.68
Euro (EUR)		284.70	307.06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 02 năm 2013



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Quý IV/2012**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2012		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay		Năm trước		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,118,787,278,215	1,113,119,768,514	4,215,873,619,817	4,114,059,871,210	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3,923,217,171	33,750,296	5,648,947,814	10,082,120,795	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,114,864,061,044	1,113,086,018,218	4,210,224,672,003	4,103,977,750,415	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	984,692,361,979	926,148,917,860	3,659,781,263,557	3,379,843,860,523	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130,171,699,065	186,937,100,358	550,443,408,446	724,133,889,892	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35,312,711,117	21,963,835,917	85,889,446,268	100,706,640,272	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17,877,132,745	34,087,290,517	66,982,809,470	112,362,907,329	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17,810,815,508	21,256,816,315	60,030,524,727	70,432,324,955	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	61,947,017,026	46,242,593,966	213,951,927,374	176,671,765,955	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	30,263,846,583	14,873,720,979	82,853,164,951	55,803,209,398	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55,396,413,828	113,697,330,813	272,544,952,919	480,002,647,482	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	741,432,883	14,270,876,739	7,650,068,664	15,690,621,480	
12. Chi phí khác	32	VI.8	363,292,107	12,575,625,757	2,052,258,942	15,599,006,406	
13. Lợi nhuận khác	40		378,140,776	1,695,250,982	5,597,809,722	91,615,074	
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55,774,554,604	115,392,581,795	278,142,762,641	480,094,262,556	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	11,427,214,080	974,973,467	47,612,408,277	64,179,718,736	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	330,570,244	2,193,011,466	(11,943,794)	2,940,175,717	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44,016,770,280	112,224,596,862	230,542,298,158	412,974,368,103	
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2,501,882,341	6,187,708,019	21,711,338,630	18,631,417,568	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		41,514,887,939	106,036,888,843	208,830,959,528	394,342,950,535	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	903	2,115	4,544	8,389	

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 02 năm 2013



Trưởng Ủy Ban Kiểm Toán
 Ông, Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Đào

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		278,142,762,641	480,094,262,556
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	87,925,756,412	83,403,731,998
- Các khoản dự phòng	03	V.8	18,560,604,052	28,931,219,927
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	5,503,447,698
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(50,925,076,417)	(19,436,697,147)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	60,030,524,727	70,432,324,955
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		393,734,571,415	648,928,289,987
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		82,793,085,637	(221,919,329,809)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(172,883,935,180)	(196,708,620,121)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3,202,536,605	25,788,277,884
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(31,179,803,679)	(27,689,476,737)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(61,167,644,236)	(69,562,038,493)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(54,743,058,746)	(60,328,667,862)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,000,000,000	1,259,150,260
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13,908,831,305)	(21,232,705,467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		147,846,920,511	78,534,879,642
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(204,610,045,586)	(121,397,054,282)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	13,383,013,868
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,171,510,877,664)	(37,127,931,302)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		424,299,425,349	74,484,730,350
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		16,080,672,700	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	33,670,243,084	19,584,085,491
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(902,070,582,117)	(51,073,155,875)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5,487,904,737)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	3,856,756,670,656	2,362,514,113,407
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(3,294,348,798,925)	(2,110,674,323,676)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(102,437,720,500)	(68,915,736,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		459,970,151,231	177,436,148,994
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(294,253,510,375)	204,897,872,761
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	329,424,956,877	126,419,394,330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(1,892,310,214)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	35,171,446,502	329,424,956,877



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 02 tháng 02 năm 2013

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

KienX/A

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN SỐ: 4659
Giờ Ngày 06 tháng 2 năm 13

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ IV NĂM 2012

- Kie Li
- 10/c M. Phuong
Chu

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con** : 04
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 04

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.	69,95%	69,95%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,13%	99,13%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	90%	90%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.828 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.314.639.189	2.262.458.395
Tiền gửi ngân hàng	32.856.807.313	304.562.498.482
Tiền đang chuyển		6.100.000.000
Các khoản tương đương tiền		16.500.000.000
Cộng	<u>35.171.446.502</u>	<u>329.424.956.877</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	202.678.862.934	199.968.042.605
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	28.776.077.519	13.167.335.726
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	135.015.155.395	272.172.389.152
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	427.295.000	-
Cộng	<u>366.897.390.848</u>	<u>485.307.767.483</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	70.240.046.120	60.475.846.820
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.402.529.262	2.257.799.138
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	302.000.000	-
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	6.616.806.750	11.809.278.546
Cộng	<u>79.561.382.132</u>	<u>74.542.924.504</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	17.208.333.333	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	3.351.641.760	4.823.682.529
Các khoản phải thu khác	1.559.197.847	1.497.706.023
Cộng	<u>22.119.172.940</u>	<u>6.321.388.552</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường		19.450.224.909
Nguyên liệu, vật liệu	196.997.501.525	126.938.625.860
Công cụ, dụng cụ	3.363.914.103	3.107.842.478
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	373.146.221.697	321.343.498.323
Thành phẩm	467.883.840.871	353.505.848.292
Hàng hóa	244.829.201	63.204.912
Hàng gửi đi bán		44.343.127.443
Cộng	<u>1.041.636.307.397</u>	<u>868.752.372.217</u>

Một số nguyên vật liệu và thành phẩm trị giá 207.624.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	45.495.942.958
Trích lập dự phòng bổ sung	17.916.891.674
Số cuối kỳ	<u>63.412.834.632</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu kỳ	1.211.599.259
Tăng trong kỳ	3.335.652.475
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	(2.300.619.800)
Số cuối kỳ	<u>2.246.631.934</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	33.924.035.015	25.174.915.795
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.238.279.600	2.142.419.600
Cộng	<u>37.162.314.615</u>	<u>27.317.335.395</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	279.636.145.479	462.232.282.958	20.483.720.671	2.541.820.362	764.893.969.470
Tăng trong kỳ	38.937.829.388	34.243.354.001	6.458.628.630	680.741.387	80.320.553.406
Mua sắm mới	10.026.785.584	32.621.368.177	6.458.628.630	680.741.387	49.787.523.778
Đầu tư xây dựng hoàn thành	28.911.043.804	1.621.985.824			30.533.029.628
Số cuối kỳ	<u>318.573.974.867</u>	<u>496.475.636.959</u>	<u>26.942.349.301</u>	<u>3.222.561.749</u>	<u>845.214.522.876</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	55.628.837.243	210.628.514.737	8.748.851.359	1.610.480.752	276.616.684.091
Khấu hao trong kỳ	21.495.397.229	61.742.537.888	3.630.917.411	597.158.374	87.466.010.902
Số cuối kỳ	77.124.234.472	272.371.052.625	12.379.768.770	2.207.639.126	364.082.694.993
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	224.007.308.236	251.603.768.221	11.734.869.312	931.339.610	488.277.285.379
Số cuối kỳ	241.449.740.395	224.104.584.334	14.562.580.531	1.014.922.623	481.131.827.883

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 306.348.338.881 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	64.168.072.801	749.295.800	64.917.368.601
Mua trong kỳ	13.625.491.700	135.000.000	13.760.491.700
Đầu tư xây dựng hoàn thành	2.760.409.065		2.760.409.065
Số cuối kỳ	80.553.973.566	884.295.800	81.438.269.366
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.376.371.729	596.779.422	1.973.151.151
Khấu hao trong kỳ	381.861.408	77.884.102	459.745.510
Số cuối kỳ	1.758.233.137	674.663.524	2.432.896.661
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	62.791.701.072	152.516.378	62.944.217.450
Số cuối kỳ	78.795.740.429	209.632.276	79.005.372.705

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	177.929.688	5.422.075.021	(3.679.910.875)	1.920.093.834
Xây dựng cơ bản dở dang	14.399.642.202	144.957.491.505	(58.434.615.554)	100.922.518.153
Chi phí đào ao nuôi cá	5.211.443.396	24.917.629.790	(14.102.998.561)	16.026.074.625
Nhà xưởng sản xuất				
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 2	6.839.513.839	116.060.651.438	(40.944.545.915)	81.955.619.362
Các công trình khác	2.348.684.967	3.979.210.277	(3.387.071.078)	2.940.824.166
Cộng	14.577.571.890	150.379.566.526	(62.114.526.429)	102.842.611.987

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	100.000.000.000 VND	69,95%	69,95%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	50.000.000.000 VND	99,13%	99,13%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	90%	90%

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 1400604953 ngày 21 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 69.453.749.913 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 79.300.000.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 302.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.698.000.000 VND.

Trong năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập các Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012) và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011).

15. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư vốn sản xuất cá giống cung cấp cho Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

16. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi	Số cuối kỳ
			phí trong kỳ	
Công cụ, dụng cụ	43.086.751.330	46.340.281.957	(13.071.000.958)	76.356.032.329

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
và chi phí khác				
Tiền thuê đất	11.924.184.630	497.327.020	(2.504.912.517)	9.916.599.133
Cộng	55.010.935.960	46.837.608.977	(15.575.913.475)	86.272.631.462

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	5.908.168.386
Phát sinh trong kỳ	11.943.794
Số cuối kỳ	5.920.112.180

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.254.928.310.721	627.278.126.990
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(a)	27.996.540.217	19.616.660.608
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	1.055.450.122.563	413.791.466.382
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp		177.370.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	41.656.000.000	16.500.000.000
- Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh ^(c)	129.825.647.941	-
Vay dài hạn đến hạn trả		6.300.000.000
Cộng	1.254.928.310.721	633.578.126.990

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho trị giá 40 tỷ đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(c) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng hóa trong kho trị giá 8 triệu USD và cam kết của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn sẽ không bán hoặc làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1, cam kết của Bà Trương Thị Lệ Khanh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	633.578.126.990
Số tiền vay phát sinh	3.856.756.670.656
Số tiền vay đã trả	(3.235.406.486.925)
Số cuối kỳ	1.254.928.310.721

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	66.161.518.524	102.462.910.783
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	46.580.235.141	25.533.766.826
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	3.124.200	1.541.276.374
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	4.960.689.085	-
Cộng	<u>117.705.566.950</u>	<u>129.537.953.983</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	9.338.303.048	6.157.619.827
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	66.355.450	692.666.025
Cộng	<u>9.404.658.498</u>	<u>6.850.285.852</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.186.086.188	(6.186.086.188)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	433.708	22.650.939.256	(22.609.196.264)	42.176.700
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(608.007.853)	2.386.454.516	(2.203.238.986)	(424.792.323)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.673.157.273	47.612.408.277	(54.743.058.745)	24.542.506.805
Thuế thu nhập cá nhân	1.833.417.197	2.585.415.564	(3.203.329.479)	1.215.503.282
Thuế nhà đất	-	1.271.119.042	(1.271.119.042)	-
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	-	(51.600.000)	(51.600.000)
Cộng	<u>32.899.000.325</u>	<u>82.701.422.843</u>	<u>(90.276.628.704)</u>	<u>25.323.794.464</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu 0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến 5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 và khoản trích lương tháng 13 phải trả người lao động.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.813.526.626	870.286.462
Chi phí khác	18.292.531.649	15.354.685.190
Cộng	<u>20.106.058.275</u>	<u>16.224.971.652</u>

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.898.086.948	2.598.818.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.485.790.870	1.106.300.846
Cổ tức phải trả	28.260.000	58.448.500
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.983.775.356	2.134.179.135
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	103.191.208.579	108.101.129.232
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - thu hộ tiền hàng		712.250.000
Các khoản phải trả khác	1.367.113.205	1.931.038.195
Cộng	<u>112.954.234.958</u>	<u>116.642.164.422</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR 7 và POR 8.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	30.183.829.566
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	32.604.006.538
Tăng khác	352.322.000
Chi quỹ trong kỳ	<u>(11.208.831.305)</u>
Số cuối kỳ	<u>51.931.326.799</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Vay và nợ dài hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	58.942.312.000
Số đã trả trong kỳ	<u>(58.942.312.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>-</u>

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	2.815.775.748
Số đã chi trong kỳ	<u>(123.970.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>2.691.805.748</u>

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.511.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.511.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.511.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.312.523	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	46.312.523	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	4.215.873.619.817	4.114.059.871.210
- Doanh thu bán hàng hóa	203.089.247.769	150.647.105.711
- Doanh thu bán thành phẩm	3.386.741.262.649	3.200.551.732.280
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.243.990.289	46.696.566.522
- Doanh thu nguyên vật liệu	107.323.129.223	261.885.273.833
- Doanh thu phụ phẩm	480.475.989.887	454.279.192.864

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.648.947.814)	(10.082.120.795)
- Giảm giá hàng bán	(1.874.090.299)	(194.985.077)
- Hàng bán bị trả lại	(3.774.857.515)	(9.887.135.718)
Doanh thu thuần	<u>4.210.224.672.003</u>	<u>4.103.977.750.415</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	203.084.901.242	149.647.737.606
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.381.139.557.078	3.191.468.979.590
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	38.243.990.289	46.696.566.522
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	107.323.129.223	261.885.273.833
- Doanh thu thuần phụ phẩm	480.433.094.171	454.279.192.864
2. Giá vốn hàng bán		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	159.996.582.723	88.907.863.261
Giá vốn của thành phẩm	2.971.577.628.249	2.668.180.140.999
Giá vốn của nguyên vật liệu	96.020.420.406	250.471.612.615
Giá vốn của phụ phẩm	414.269.740.505	341.876.146.421
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	17.916.891.674	30.408.097.226
Cộng	<u>3.659.781.263.557</u>	<u>3.379.843.860.523</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	40.822.409.313	9.775.777.911
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	734.831.752	734.496.609
Lãi ứng trước tiền hàng	1.481.121.734	1.295.663.299
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	5.031.750.925	2.711.747.271
Lãi bán hàng trả chậm	3.589.794.445	6.445.765.183
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		149.216.049
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.229.538.099	79.593.973.950
Cộng	<u>85.889.446.268</u>	<u>100.706.640.272</u>
4. Chi phí tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	60.038.766.035	70.432.324.955
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		5.652.663.747
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.944.043.435	36.277.918.627
Cộng	<u>66.982.809.470</u>	<u>112.362.907.329</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.967.965.507	4.631.178.736
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	448.974.084	491.208.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.644.020	95.922.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.762.655.594	99.915.731.779
Chi phí khác	79.592.688.169	71.537.724.468
Cộng	213.951.927.374	176.671.765.955

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	34.684.313.945	24.433.865.276
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.222.211.705	1.177.747.316
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.483.211.963	5.487.760.721
Thuế, phí và lệ phí	742.867.947	1.275.951.197
Chi phí dự phòng	643.712.378	(1.865.509.133)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.252.368.359	7.490.565.599
Chi phí khác	30.824.478.654	17.802.828.423
Cộng	82.853.164.951	55.803.209.398

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		13.383.013.868
Các khoản nợ không phải trả	5.842.779.195	
Thu nhập khác	1.807.289.469	2.307.924.197
Cộng	7.650.068.664	15.690.938.065

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán		11.463.523.114
Chi phí khác	2.052.258.942	4.135.483.292
Cộng	2.052.258.942	15.599.006.406

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	208.830.959.528
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	45.955.482
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.544

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	45.952.523
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	2.959
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.955.482

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban điều hành</i>	
Mua nguyên vật liệu	19.125.410.600
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Mua nguyên vật liệu	37.042.774.600

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	18.361.247.350	19.663.800.251
Các cá nhân có liên quan	8.992.647.580	1.478.594.520
Cộng nợ phải thu	25.341.330.450	21.142.394.771

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	348.033.320	-
Cộng nợ phải trả	348.033.320	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>	
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	16.145.142.147
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	7.665.678.500
Giá trị hàng nhận xuất khẩu ủy thác	18.453.566.761
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu	11.235.097.037

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>	79.673.059.877
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	336.363.960.928
Giá trị hàng nhận xuất khẩu ủy thác	581.608.970.607

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu	3.351.641.760	4.823.682.529
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	1.748.081.409	163.276.785
Cộng nợ phải thu	<u>5.099.723.169</u>	<u>4.986.959.314</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.983.775.357	2.134.179.135
Phải trả tiền hàng	1.594.842.653	2.692.462.513
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	103.191.208.577	108.101.129.232
Phải trả tiền hàng	-	691.236.000
Phải trả tiền thu hộ	-	712.250.000
Cộng nợ phải trả	<u>106.769.826.587</u>	<u>114.331.256.880</u>

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	471,512,730,000	191,808,000,000 (1,316,000,000)	(32,725,310,618)	1,799,344,642	136,774,604	303,469,424,380	936,000,963,008 (1,316,000,000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	(4,171,904,737)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4,171,904,737)	-	-	394,342,950,535	394,342,950,535
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(20,224,516,927)	(20,224,516,927)
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	5,283,115,639	5,283,115,639
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-	-	-	-	(68,928,784,500)	(68,928,784,500)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	2,191,879,734	-	-	2,191,879,734
Giảm khác	-	-	-	-	(136,774,604)	-	(136,774,604)
Số dư cuối năm trước	471,512,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	613,942,189,127	1,243,040,928,148
Số dư đầu năm nay	471,512,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	613,942,189,127	1,243,040,928,148
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	208,830,959,528	208,830,959,528
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(32,604,006,538)	(32,604,006,538)
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	3,600,000,000	-	-	-	-	(3,600,000,000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(91,890,046,000)	(91,890,046,000)
Số dư cuối kỳ	475,112,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	694,679,096,117	1,327,377,835,138

Đơn vị tính: VND

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 02 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc